**TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

 **NĂM HỌC 2020-2021 MÔN ĐỊA LÍ : 9**

 **Mã đề: Đ.901 (** *Thời gian làm bài 45 phút)*

**I. TRẮC NGHIỆM**: **(5 đ):*Em hãy dùng bút chì tô kín hình tròn dưới đáp án đúng trong phiếu làm bài trắc nghiệm.***

**Câu 1. Trung du miền núi Bắc Bộ là địa bàn cư trú của các dân tộc:**

A. Tày, Nùng, Dao, Thái, Mông. B. Tày, Nùng, Ê –Đê, Ba –Na.

C. Tày, Nùng, Gia-rai, Mơ nông. D. Dao, Nùng, Chăm, Hoa.

**Câu 2. Các dân tộc ít ngưới chủ yếu sống tập trung ở:**

A. Đồng bằng B. Miền núi

C. Trung du D. Duyên Hải

**Câu 3. Tư liệu sản xuất không thể thay thế được của ngành nông nghiệp là:**

A. Đất đai B. Khí hậu C. Nước D. Sinh vật

**Câu 4. Ba vùng kinh tế trọng điểm nước ta là:**

 A. Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam. B.Phía Bắc, miền Trung và phía Nam.

C. Bắc Bộ, Trung bộ và Nam bộ. D. Đồng bằng sông Hồng, Duyên Hải và Đông Nam Bộ.

**Câu 5. Thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp ở nước ta vì:**

A. Nông nghiệp nước ta mang tính chất mùa vụ.

B. Nguồn nước phân bố không đồng đều trong năm.

C. Nông nghiệp nước ta chủ yếu là trồng lúa.

D. Tài nguyên nước của nước ta hạn chế, không đủ cho sản xuất.

**Câu 6. Nước ta gồm những loại rừng nào?**

A. Rừng sản xuất, rừng sinh thái và rừng phòng hộ

B. Rừng phòng hộ, rừng nguyên sinh và rừng đặc dụng

C. Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất

D. Rừng sản xuất, rừng quốc gia và rừng phòng hộ

**Câu 7. Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt của nước ta:**

A. Cây lương thực B. Cây hoa màu C. Cây công nghiệp D. Cây ăn quả và rau đậu

**Câu 8. Các tỉnh dẫn đầu về sản lượng khai thác hải sản là:**

A. Ninh Thuận, Bình Thuận, Long An, Quảng Ninh.

B. Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Thuận, Cà Mau.

C. Kiên Giang, Cà Mau, Hậu Giang, Ninh Thuận.

D. Kiên Giang, Cà Mau, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Thuận

**Câu 9. Đặc điểm nào sau đây không phải của ngành công nghiệp trọng điểm:**

A. Chiếm tỉ trọng thấp trong cơ cấu công nghiệp.

B. Có thế mạnh phát triến lâu dài.

C. Đem lại hiệu quả kinh tế cao.

D. Có tác động mạnh đến sự phát triển các ngành kinh tế khác

**Câu 10. Nước ta có điều kiện thuận lợi để nuôi trồng thủy sản nước mặn là do:**

A. Nước ta có nhiều cửa sông rộng lớn B. Nước ta có những bãi triều, đầm, phá, sông

C. Có nhiều đảo, vũng, vịnh, đầm ,phá D. Có nhiều sông, hồ, suối, ao,…

**Câu 11. Hai vùng tập trung công nghiệp lớn nhất nước ta là**

A Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng

B.Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long

C. Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ

D. Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng

**Câu 12. Ngư trường trọng điểm nào sau đây nằm ở cực Nam đất nước?**

A.Ninh Thuận , Bình Thuận, Bà Rịa-Vũng Tàu B.Hải Phòng, Quảng Ninh

C.Quần đảo Hoàng Sa-Quần đảo Trường Sa D.Cà Mau, Kiên Giang

**Câu 13. Ngành công nghiệp trọng điểm nào sau đây phát triển dựa vào nguồn nhân lực dồi dào?**

A.Khai thác nhiên liệu B.Vật liệu xây dựng C.Cơ khí, điện tử D.Dệt may

**Câu 14. Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất nước ta hiện nay là**

A.Hòa Bình B. Sơn La C.Y-a-ly D.Trị An

**Câu 15. Yếu tố chính nào sau đây làm cho mỗi vùng ở nước ta có thế mạnh khác nhau trong phát triển công nghiệp?**

A.Vị trí địa lí B.Điều kiện khí hậu

C.Yếu tố địa hình D.Sự phân bố tài nguyên

**Câu 16. Cho bảng số liệu về:Diện tích gieo trồng cây công nghiệp hàng năm và cây công nghiệp lâu năm của nước ta giai đoạn 2005 – 2014**

 ***(Đơn vị: nghìn ha)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2005 | 2010 | 2014 |
| Cây công nghiệp hàng năm | 861,5 | 797,6 | 710,0 |
| Cây công nghiệp lâu năm | 1633,6 | 2010,5 | 2133,5 |
| Tổng số | 2495,1 | 2808,1 | 2843,5 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê 2015, NXB Thống kê, Hà Nội 2016)*

Nhận xét nào sau đây **không đúng** với bảng số liệu trên?

A. Diện tích cây công nghiệp lâu năm có tốc độ tăng trưởng

B. Diện tích cây công nghiệp hàng năm và lâu năm đều tăng

C. Diện tích cây công nghiệp hàng năm có tốc độ tăng trưởng giảm

D. Diện tích cây công nghiệp hàng năm nhỏ hơn diện tích cây công nghiệp lâu năm.

**Câu 17. Các mỏ dầu khí nào sau đây đang được khai thác?**

A.Hồng Ngọc ,Rạng Đông ,Đại Hùng B.Lan Đỏ,Bạch Hổ, Rồng

C.Lan Tây , Đại Hùng , Rạng Đông D.Hồng Ngọc, Lan Đỏ, Lan Tây

**Câu 18. Cho bảng số liệu về cơ cấu sử dụng lao động nước ta giai đoạn**

 **2000-2014 *(Đơn vị %)***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2000 | 2005 | 2010 | 2014 |
| Nông-Lâm-Ngư nghiệp | 65,1 | 57,3 | 49,5 | 46,3 |
| Công nghiệp-Xây dựng | 13,1 | 18,2 | 20,9 | 21.3 |
| Dịch vụ | 21.8 | 24,5 | 29,6 | 32,3 |

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu sử dụng lao động nước ta giai đoạn

 2000-2014 là:

A.biểu đồ cột chồng B.biểu đồ miền C.biểu đồ đường D.biểu đồ tròn

**Câu 19. Cho bảng số liệu:Tổng sản phẩm trong nước GDP phân theo khu vực kinh tế của nước ta giai đoạn 2000-2010 (*Đơn vị :Tỷ đồng)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm | 2000 | 2010 |
| Nông-lâm-thủy sản | 108356 | 407647 |
| Công nghiệp-xây dựng | 162220 | 814065 |
| Dịch vụ | 171070 | 759202 |
| Tổng | 4416 | 1980914 |

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu GDP theo khu vực kinh tế nước ta năm 2000 và năm 2010:

A Cột chồng B. Tròn C. Miền D.Đường biểu diễn

**Câu 20. Cho bảng số liệu về diện tích lúa và sản lượng lúa của đồng bằng Sông Cửu Long**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 |
| Diện tích(Nghìn ha) | 4340,3 | 4249,5 | 4304,1 | 4295,2 |
| Sản lượng (Nghìn tấn) | 25.021,1 | 25.245,6 | 25.598,2 | 24.226,6 |

Biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất với thay đổi của diện tích lúa và sản lượng lúa và năng suất lúa củađồng bằng Sông Cửu Long

A biểu đồ cột đôi B. biểu đồ miền C. biểu đồ đường D. biểu đồ cột chồng

**II TỰ LUẬN(5đ)**

**Câu 1.**( 3đ): Nêu những điểm mạnh và hạn chế của nguồn lao động nước ta?

**Câu 2**.( 2đ): Tại sao vấn đề giải quyết việc là vấn đề xã hội gay gắt ở nước ta? Nêu biện pháp giải quyết ?

**TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM HƯỚNG DẪN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM BÀI**

 **Năm học 2020-2021 KIỂM TRA GIỮA KÌ MÔN ĐỊA LÍ 9**

 **Mã Đề: Đ.901**

**I Trắc nghiệm:** Mỗi đáp án đúng được 0,25 đ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  Câu hỏi  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Đáp án | A | B | A | A | B | C | A | D | A | C |
| Câu hỏi | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| Đáp án | D | D | D | B | D | B | A | B | B | C |

**II.Tự luận**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Đáp án** | **Biểu điểm** |
| Câu 1 | \* Điểm mạnh :- Nước ta có nguồn lao động: dồi dào, tăng nhanh,mỗi năm tăng trên 1 tr lao động- Có kinh nghiệm sản xuất: Nông-Lâm-Ngư nghiệp- Tiếp thu KHKT nhanh- Chất lượng lao động ngày càng nâng cao\* Hạn chế:-Về thể lực và trình độ chuyên môn-Thiếu tác phong CN-Phân bố lao động chưa hợp lí: Phần lớn lao động tập trung ở khu vực nông thôn | 0,5đ0,5đ0,5đ0,5đ0,5đ0,25đ0,25đ |
| Câu 2 | \*Do:- Nguồn lao động dồi dào, kinh tế chưa phát triển- Suy thoái kinh tế thế giới do dịch bệnh( dịch COVID 19)\* Biện pháp:- Có chính sách phát triển kinh tế và dân số hợp lí+ Đa dạng hoá hoạt động kinh tế ở nông thôn, mở rộng các làng nghề+ Phát triển , mở rộng hoạt động CN, dịch vụ ở các đô thị+ Xuất khẩu lao động- Đa dạng hoá các loại hình đào tạo hướng nghiệp dạy nghề | 0,5 đ0,5đ0,75đ0,25đ |

 BGH duyệt TTCM NTCM- GV

Nguyễn T Thu Hằng Đỗ Minh Phượng Nguyễn T Mai Hương